

Bản án số: 01/2019/KDTM-ST.

Ngày: 14-01-2019.

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Duyên

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Yến

Ông Phạm Nhi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phượng- Kiểm sát viên

Trong ngày 14 tháng 01 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2018/TLST-KDTM ngày 17 tháng 10 năm 2018 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại TNHH một thành viên D

Địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower, số 109 T, phường C, quận H, Tp Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Huy Th- Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Hồng M- Phó phụ trách phòng kinh doanh chi nhánh Quảng Ninh- có mặt

-Bị đơn: Ông Phạm Văn H- sinh năm 1954 và bà Đặng Thị C-sinh năm 1965. Cùng Trú tại: Thôn A 2, xã L, huyện H, tỉnh Quảng Ninh- vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn Ngân hàng thương mại TNHH một thành viên D trình bày: Ngày 05/02/2015, Ngân hàng thương mại TNHH một thành viên D đã ký hợp đồng tín dụng số 0317/2015/QNH/HDTD với ông bà Phạm Văn H và Đặng Thị C, nội dung cho ông H, bà C vay số tiền

1.800.000.000đồng (một tỷ tám trăm triệu đồng), mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày rút tiền vay, lãi suất vay áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 01 tháng 01 lần, lãi suất kỳ đầu tiên 11,5%/năm, các kỳ tiếp theo được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng trả lãi cuối kỳ + biên độ theo quy định của Ngân hàng D tại thời điểm điều chỉnh.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông H và bà C đã thế chấp khối tài sản gồm:
1. Quyền sử dụng 559,2m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thôn A I, xã L, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/01/2015 mang tên ông Phạm Văn H và bà Đặng Thị C. (Hợp đồng thế chấp số 317A/2015/HDTC/GPB-QN ngày 05/02/2015 giữa Ngân hàng D chi nhánh Quảng Ninh và ông H, bà C)

2. Quyền sử dụng 212,9m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thôn A I, xã L, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/10/2010 mang tên ông Phạm Văn H và bà Đặng Thị C. (hợp đồng thế chấp số 317B/2015/HDTC/GPB-QN ngày 05/02/2015 giữa Ngân hàng D chi nhánh Quảng Ninh và ông H, bà C)

Ngày 05/02/2015 Ngân hàng đã giải ngân 1.800.000.000đồng cho ông bà H, C. Quá trình sử dụng vốn vay, tính đến ngày 12/10/2015 ông H, bà C đã trả được 63.248.279đồng tiền lãi trong hạn và 1.862.443 đồng tiền lãi quá hạn, chưa trả được số tiền gốc nào. Từ tháng 11/2015 ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ thành nợ quá hạn.

Ngân hàng đã đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông H, bà C không thực hiện việc trả nợ nên đã khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H, bà C phải thanh toán cho ngân hàng số tiền (tính đến ngày 14/01/2019) là 2.955.423.802 đồng (hai tỷ chín trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn tám trăm linh hai đồng), trong đó: Nợ gốc: 1.800.000.000đồng (một tỷ tám trăm triệu đồng); lãi trong hạn: 764.176.721đồng(bảy trăm sáu mươi tư triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm hai một đồng),lãi quá hạn 391.247.081đồng (ba trăm chín một triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn không trăm tám một đồng) và tiếp tục tính tiếp tục tính lãi cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp ông H, bà C không trả được nợ theo bản án, quyết định của Tòa án, ngân hàng yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Sau khi nhận được thông báo thụ lý, ngày 19/10/2018 ông H có đơn đề nghị thể hiện: thừa nhận thế chấp tài sản để vay tiền ngân hàng D và đề nghị được đàm phán với ngân hàng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Văn H và bà Đặng Thị C đều không có mặt theo các giấy triệu tập, thông báo... của Tòa án. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Hợp đồng tín dụng số 0317/2015/QNH/HDTD ngày 05/02/2015 giữa Ngân hàng D với ông bà Phạm Văn H và Đặng Thị C là tự nguyện, xuất phát từ nhu cầu thực tế của các bên. Các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp đã được ký kết đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Ngân hàng đã giải ngân số tiền 1.800.000.000đồng cho ông H, bà C. Ông H, bà C đã sử dụng vốn vay vào việc thanh toán tiền hàng. Tính đến ngày12/10/2015 ông H bà C đã trả được 63.248.279đồng tiền lãi trong hạn và 1.862.443 đồng tiền lãi quá hạn, toàn bộ số nợ gốc chưa được trả. Từ đó đến nay không trả thêm số tiền gốc, lãi. Từ tháng 11/2015 ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ sang nợ quá hạn.

Xét thấy bị đơn ông Phạm Văn H và bà Đặng Thị C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, cố tình không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, không chấp hành các quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định pháp luật nên cần buộc ông H, bà C phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Xét các khoản nợ mà ngân hàng yêu cầu ông H, bà C thanh toán gồm: Số gốc còn nợ: 1.800.000.000đồng, lãi trong hạn: 764.176.721đồng(bảy trăm sáu mươi tư triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm hai một đồng),lãi quá hạn 391.247.081đồng. Căn cứ bảng tính số tiền vay của Ngân hàng D thấy: số tiền nợ gốc và nợ lãi trong hạn được tính theo lãi suất cho vay vào từng thời điểm là phù hợp. Lãi suất nợ quá hạn = 150% lãi suất trong hạn. Như vậy, số nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn trên cơ sở nợ gốc được tính phù hợp với quy định của pháp luật và hợp đồng tín dụng đã ký nên có căn cứ để chấp nhận.

[2].Xét các hợp đồng thế chấp số 317A/2015/HDTC/GPB-QN ngày 05/02/2015 và hợp đồng thế chấp số 317B/2015/HDTC/GPB-QN ngày 05/02/2015 giữa Ngân hàng D Quảng Ninh (bên nhận thế chấp, bên cho vay) và ông H, bà Đặng Thị C (bên thế chấp đồng thời là bên vay) thấy: Các hợp đồng thế chấp này đều được ký giữa Ngân hàng với ông H, bà C vào ngày 05/02/2015, được công chứng cùng ngày tại Văn phòng công chứng Hưng Quảng và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện H. Tài sản thế chấp là các quyền sử dụng 559,2m² đất và tài sản gắn liền với đất; quyền sử dụng 212,9m² đất và tài sản gắn liền với đất đều tại thôn A I, xã L, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, đều mang tên ông Phạm Văn H, bà Đặng Thị C. Ông H, bà C không có ý kiến gì đối với hai hợp đồng thế chấp này. Như vậy, hợp đồng đã thể hiện ý chí tự nguyện của bên thế chấp (ông H, bà C) đồng ý dùng tài sản của mình bảo đảm cho khoản vay tại ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 0317/2015/QNH/HDTD ngày 05/02/2015. Do đó, nếu ông bà H, C không trả được

nợ theo hợp đồng tín dụng thì ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định tại điều 355 BLDS 2005.

[3]. Về án phí: Ông Phạm Văn H và bà Đặng Thị C phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng tự nguyện nộp toàn bộ chi phí này nên không đề cập.

[4]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H có quan điểm: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán và hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện VKS đề nghị: Có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, buộc ông H, bà C trả nợ cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký, đồng thời xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp ông H và bà C không trả được nợ theo phán quyết của Tòa án. Ông H, bà C phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 26, điều 35, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 147 BLTTDS; các điều 471, khoản 1 điều 474, điều 355 BLDS 2005; điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu khởi kiện của Ngân hàng thương mại TNHH một thành viên D. Buộc ông Phạm Văn H và bà Đặng Thị C phải trả cho ngân hàng thương mại TNHH một thành viên D số tiền: 2.955.423.802 đồng (hai tỷ chín trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn tám trăm linh hai đồng), trong đó: Nợ gốc: 1.800.000.000 đồng (một tỷ tám trăm triệu đồng); lãi trong hạn: 764.176.721 đồng (bảy trăm sáu mươi tư triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm hai một đồng), lãi quá hạn 391.247.081 đồng (ba trăm chín một triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn không trăm tám một đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Phạm Văn H và bà Đặng Thị C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Tiếp tục duy trì các hợp đồng thế chấp số 317A/2015/HDTG/GPB-QN ngày 05/02/2015 và hợp đồng thế chấp số 317B/2015/HDTG/GPB-QN ngày 05/02/2015

giữa Ngân hàng thương mại TNHH một thành viên D và ông Phạm Văn H, bà Đặng Thị C để bảo đảm thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Phạm Văn H, bà Đặng Thị C không trả được số nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại toàn bộ tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp số 317A/2015/HDTC/GPB-QN ngày 05/02/2015 và hợp đồng thế chấp số 317B/2015/HDTC/GPB-QN ngày 05/02/2015 giữa Ngân hàng thương mại TNHH một thành viên D chi nhánh Quảng Ninh và ông H, bà C để thu hồi toàn bộ số nợ.

Về án phí: Ông H và bà Đặng Thị C phải nộp 91.108.476 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng Ngân hàng thương mại TNHH một thành viên D số tiền 44.450.000 đồng (bốn mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003422 ngày 16/10/2018 của Thi hành án dân sự huyện H.

Ngân hàng thương mại TNHH một thành viên D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Phạm Văn H và bà Đặng Thị C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKS huyện H;
- THA huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Duyên

